

TẬP A-HÀM QUYỂN 21

KINH 537. THỦ THÀNH DỤC TRÌ¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và Tôn giả A-na-luật ở bên hồ tắm Thủ thành², nước Xá-vệ.

Rồi Tôn giả Xá-lợi-phất³ đi đến chỗ Tôn giả A-na-luật, cùng thăm hỏi sức khỏe nhau, rồi ngồi lui qua một bên. Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Tôn giả A-na-luật:

“Hy hữu thay, A-na-luật! Có đại oai đức, đại thần lực⁴, do công đức gì, tu tập, tu tập nhiều mà được như vậy?”⁵

Tôn giả A-na-luật trả lời Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Đối với pháp bốn Niệm xứ tu tập, tu tập nhiều, nhờ đó nên thành tựu oai đức, thần lực lớn này. Bốn Niệm xứ là gì? Niệm xứ quán thân trên nội thân, tinh cần phuong tiện, chánh niệm, chánh tri, điều phục tham ưu thế gian. Cũng vậy, niệm xứ quán thân trên ngoại thân, nội ngoại thân; thọ trên nội thọ, ngoại thọ, nội ngoại thọ; nội tâm, ngoại tâm, nội ngoại tâm; nội pháp, ngoại pháp, nội ngoại pháp; tinh cần phuong tiện, chánh niệm, chánh tri, điều phục tham ưu thế gian. Đó gọi là bốn Niệm xứ được tu tập, tu tập nhiều, sẽ thành tựu oai đức, thần lực lớn này.

“Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, tôi đối với bốn Niệm xứ khéo tu tập, nên đối với tiểu thiền thế giới chỉ tạo ít phuong tiện⁶ mà có thể quán sát khắp tất cả. Như người mắt sáng ở trên lầu nhìn xuống, thấy mọi

1. Đại Chánh quyển 20. Kinh 537. Paøli, S.52.3 Sutanu.

2. Thủ thành dục trì ສຸ່ຫຼັກ / ໄດ້ / ທ່ານ một con sông chảy qua Xá-vệ. Paøli: Sutanu.

3. Bản Paøli: sambahulaø bhikkhuø, số đông Tỳ-kheo.

4. Hán: 大德大力 大劫 / 大劫 / 大通. Paøli: mahaøbhioóaøta, đại thần thông.

5. Paøli: katamesaø dhammaønaø bhaøvitattaø bahalikatattaø mahaøbhioóaøtaø patto ti, do tu tập những pháp gì, tu tập nhiều, mà chứng đắc đại thắng trí (thần thông) này?

6. Chỉ cần chút cố gắng.

vật trên đất bằng. Cũng như vậy, tôi cũng chỉ tạo ít phuong tiện mà có thể quán tiểu thiên thế giới. Như vậy, tôi đối với bốn Niệm xứ tu tập, tu tập nhiều, nên thành tựu oai đức thần lực lớn này.”

Hai vị Tôn giả cùng bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

M

KINH 538. MỤC-LIÊN SỞ VẤN⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ các Tôn giả Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả A-nan, Tôn giả A-na-luật cũng đều ở nước Xá-vệ⁸.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đến chỗ Tôn giả A-na-luật, cùng nhau thăm hỏi sức khỏe, rồi ngồi lui qua một bên.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hỏi Tôn giả A-na-luật:

“Nhờ công đức gì, tu tập, tu tập nhiều, mà đạt được oai đức, thần lực lớn như vậy?”

Tôn giả A-na-luật trả lời Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

“Đối với pháp bốn Niệm xứ tu tập, tu tập nhiều, nhờ đó nên thành tựu oai đức, thần lực lớn này. Bốn Niệm xứ là gì? Niệm xứ quán thân trên nội thân, tinh cần phuong tiện, chánh niệm, chánh tri, điều phục tham ưu thế gian. Cũng vậy, niệm xứ quán thân trên ngoại, nội ngoại thân; nội thọ, ngoại thọ, nội ngoại thọ; nội tâm, ngoại tâm, nội ngoại tâm; nội pháp, ngoại pháp, nội ngoại pháp; tinh cần phuong tiện, chánh niệm, chánh tri, điều phục tham ưu thế gian. Đó gọi là bốn Niệm xứ được tu tập, tu tập nhiều, sẽ thành tựu oai đức, thần lực lớn này. Đối với ngàn núi Tu-di, tôi chỉ dùng chút phuong tiện mà có thể xem xét tất cả. Như người mắt sáng leo lên đỉnh núi cao, nhìn xuống thấy ngàn rừng cây đa-la. Cũng vậy, đối với bốn Niệm xứ, tôi tu tập, tu tập nhiều, nên thành tựu được oai đức, thần lực lớn này, tôi chỉ dùng chút phuong tiện mà thấy được cả ngàn núi Tu-di. Như vậy, thưa Tôn

⁷. Paøli, S.52.6 Kaòæakì.

⁸. Bản Paøli: ở tại Saøkete Kaòæakivane (khu rừng gai tại Saøketa).

giả Đại Mục-kiền-liên, đối với bốn Niệm xứ, tôi tu tập, tu tập nhiều, nên thành tựu oai đức, thần lực lớn này.”

Hai vị Tôn giả bàn luận xong, mỗi người liền từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

M

KINH 539. A-NAN SỞ VĂN⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và Tôn giả A-na-luật ở bên hồ tắm Thủ thành, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan đi đến chỗ Tôn giả A-na-luật, cùng thăm hỏi sức khỏe nhau, rồi ngồi lui qua một bên. Tôn giả A-nan hỏi Tôn giả A-na-luật:

“Nhờ công đức gì, tu tập, tu tập nhiều, mà được thành tựu oai đức, oai lực và thần thông lớn như vậy?”

Tôn giả A-na-luật trả lời Tôn giả A-nan:

“Đối với pháp bốn Niệm xứ tu tập, tu tập nhiều, nhờ đó nên thành tựu oai đức, thần lực lớn này. Bốn Niệm xứ là gì? Niệm xứ quán thân trên nội thân, tinh cần phuơng tiện, chánh niệm, chánh tri, điều phục tham ưu thế gian. Cũng vậy, niệm xứ quán thân trên ngoại thân, nội ngoại thân; nội thọ, ngoại thọ, nội ngoại thọ; nội tâm, ngoại tâm, nội ngoại tâm; nội pháp, ngoại pháp, nội ngoại pháp; tinh cần phuơng tiện, chánh niệm, chánh tri, điều phục tham ưu thế gian. Như vậy, Tôn giả A-nan, đối với bốn Niệm xứ này tôi tu tập, tu tập nhiều, nên chỉ cần chút phuơng tiện, bằng thiền nhẫn thanh tịnh vượt hơn mắt người, xem thấy các chúng sanh lúc sanh, lúc chết, tướng mạo hoặc đẹp hoặc xấu, sắc cao quý, sắc hạ tiện, cõi lành, cõi ác, tùy theo nghiệp mà thọ sanh, tất cả đều thấy như thật. Chúng sanh như vậy do thân, miệng, ý đều tạo việc ác, phỉ báng Hiền thánh; do nhân duyên tà kiến hủy báng Hiền thánh, nên khi thân hoại mạng chung, sanh vào trong địa ngục. Chúng sanh như vậy do thân, miệng, ý làm việc lành, không phỉ báng Hiền thánh, thành tựu chánh kiến, do nhân duyên này nên khi chết

9. Paøli, S.52.23. Dibbacakkhu.

được sanh lên cõi trời. Thí như người mắt sáng đứng nơi ngã tư đường thấy mọi người qua lại, hoặc nằm ngồi. Tôi cũng vậy, đối với bốn Niệm xứ tu tập, tu tập nhiều, nên thành tựu được oai đức, oai lực thần thông lớn này; thấy tất cả chúng sanh lúc sanh, lúc chết, cõi lành, cõi ác. Chúng sanh như vậy do thân, miệng, ý làm ác, phỉ báng Hiền thánh, do nhân duyên tà kiến mà sanh vào địa ngục. Chúng sanh như vậy do thân, miệng, ý làm việc lành, không phỉ báng Hiền thánh, thì vì nhân duyên chánh kiến này, khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên cõi trời.

“Như vậy, Tôn giả A-nan, đối với bốn Niệm xứ tôi tu tập, tu tập nhiều, nên thành tựu được oai đức, oai lực, thần thông lớn này.”

Hai vị Tôn giả bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

M

KINH 540. SỞ HOẠN (1)¹⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-na-luật đang ở tại tinh xá Tòng lâm¹¹, nước Xá-vệ, thân bị bệnh khổ.

Lúc ấy, có nhiều Tỳ-kheo đến chỗ Tôn giả A-na-luật, cùng nhau hỏi thăm sức khỏe, rồi đứng lui qua một bên, thưa Tôn giả A-na-luật:

“Thưa Tôn giả A-na-luật, bệnh của Tôn giả nặng hay nhẹ, có chịu đựng được không? Bệnh giảm dần dần, không tăng thêm chăng?”

Tôn giả A-na-luật đáp:

“Bệnh tôi không yên, thật là khó chịu đựng, đau đớn toàn thân, càng lúc nặng thêm, không bớt.”

Rồi Tôn giả nói ba thí dụ như kinh Sai-ma¹² ở trên đã nói; rồi tiếp:

“Dù thân tôi bị đau đớn như thế này, nhưng tôi vẫn chịu đựng

¹⁰. S.52.10 Baôhagilaøna (bệnh nặng).

¹¹. BẢN Paøli: Andhavana (Âm lâm, khu rừng tối).

¹². Kinh số 103, quyển 5.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

được, với chánh niệm, chánh tri.”

Các Tỳ-kheo hỏi Tôn giả A-na-luật:

“Tâm an trụ ở chỗ nào mà có thể chịu đựng được cái khổ lớn như vậy với chánh niệm, chánh tri?”

Tôn giả A-na-luật bảo các Tỳ-kheo:

“Tâm trụ bốn Niệm xứ nên mỗi khi tôi cử động, thân thể dù có bị đau đớn, cũng có thể chịu đựng được với chánh niệm, chánh tri. Những gì là bốn Niệm xứ? Đó là, niệm xứ quán thân trên nội thân cho đến niệm xứ quán thọ, tâm, pháp. Đó gọi là trụ bốn Niệm xứ, có thể chịu đựng tất cả mọi đau đớn nơi thân, với chánh niệm, chánh tri.”

Các Tôn giả cùng nhau bàn luận xong, tùy hỷ vui vẻ, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

M

KINH 541. SỞ HOẠN (2)¹³

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-na-luật đang ở tại tinh xá Tòng lâm, nước Xá-vệ, bệnh mới vừa giảm bớt chưa bao lâu.

Lúc ấy, có nhiều Tỳ-kheo đến hỏi thăm sức khỏe, rồi ngồi lui qua một bên, hỏi Tôn giả A-na-luật:

“Tôn giả có được an ổn, cảm thấy an lạc¹⁴ không?”

Tôn giả A-na-luật đáp:

“Tôi được an ổn, cảm thấy an lạc. Các thứ đau đớn nơi thân thể đều đã bớt dần.”

Các Tỳ-kheo lại hỏi Tôn giả A-na-luật:

“Tâm trụ ở chỗ nào mà những đau nhức của thân dần dần được an ổn?”

Tôn giả A-na-luật đáp:

“An trụ bốn Niệm xứ, nên những đau nhức của thân dần dần được an ổn. Những gì là bốn Niệm xứ? Đó là, niệm xứ quán thân trên

13. Như kinh trên.

14. Hán: lạc trú *॥॥/.* Paøli: sukkhavihāra.

nội thân cho đến niết xứ quán thọ, tâm, pháp. Đó gọi là trụ bốn Niết xứ. Do an trụ bốn Niết xứ này nên những đau nhức của thân dần dần được an ổn.”

Các Tôn giả bàn luận xong, tùy hỷ vui vẻ, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

M

KINH 542. HỮU HỌC LẬU TẬN¹⁵

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-na-luật ở tại tinh xá Tòng lâm¹⁶, nước Xá-vệ. Lúc ấy, có nhiều Tỳ-kheo đến chỗ Tôn giả A-na-luật, cùng nhau hỏi thăm sức khỏe, rồi ngồi lui qua một bên, hỏi Tôn giả A-na-luật:

“Nếu Tỳ-kheo còn ở địa vị hữu học¹⁷ mà hướng thượng muôn cầu an trụ Niết-bàn an ổn; Thánh đệ tử tu tập, tu tập nhiều như thế nào để ở trong pháp luật này có thể dứt sạch các lậu, tâm giải thoát vô lậu, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự biết tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa?’”

Tôn giả A-na-luật bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo còn ở địa vị hữu học mà hướng thượng muôn cầu an trụ Niết-bàn an ổn; Thánh đệ tử tu tập, tu tập nhiều như thế nào để ở trong pháp luật này có thể dứt sạch các lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự biết tác chứng: Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa. Hãy an trụ nơi bốn Niết xứ. Những gì là bốn Niết xứ? Đó là, niết xứ quán thân trên nội thân cho đến niết xứ quán thọ, tâm, pháp. Tu tập bốn Niết xứ như vậy, tu tập nhiều, ở trong pháp luật này có thể dứt sạch các lậu, tâm giải thoát vô lậu, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự biết tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Các Tỳ-kheo nghe Tôn giả A-na-luật nói xong, tùy hỷ vui vẻ,

¹⁵. S.52.4 Kaðæaki (tên khu rừng, có nhiều gai).

¹⁶. Bán Paøli: Saøkete Kaðæakivane, trong rừng Kaðæaki, Saøketa.

¹⁷. Học địa %C/a. Paøli: sekhabhuømi.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

M

KINH 543. A-LA-HAUN TỲ-KHEO¹⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-na-luật ở tại tinh xá Tòng lâm, nước Xá-vệ.

Lúc ấy, có nhiều Tỳ-kheo đến chỗ Tôn giả A-na-luật cùng nhau hỏi thăm sức khỏe, rồi ngồi lui qua một bên, hỏi Tôn giả A-na-luật:

“Nếu Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu, việc làm đã xong, đã trút bỏ gánh nặng, lìa các kết sử hữu¹⁹, bằng chánh trí tâm khéo giải thoát, vị ấy cũng tu bốn Niệm xứ chăng?”

Tôn giả A-na-luật trả lời các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo nào, các lậu đã dứt sạch, việc làm đã xong, đã trút bỏ gánh nặng, đã lìa các kết sử hữu, bằng chánh trí tâm khéo giải thoát; vị ấy cũng tu bốn Niệm xứ. Vì sao? Vì để đắc những gì chưa đắc, chứng những gì chưa chứng, hiện tại sống an lạc. Tại sao như thế? Vì tôi cũng đã lìa các hữu lậu, đã đắc quả A-la-hán, việc làm đã xong, tâm khéo giải thoát, cũng tu bốn Niệm xứ, để đắc những gì chưa đắc, chứng những gì chưa chứng, đến chỗ chưa đến,... cho đến hiện tại sống an lạc.”

Các Tôn giả bàn luận xong, đều tùy hỷ vui vẻ, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy, ra đi.

M

KINH 544. HÀ CỐ XUẤT GIA²⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-na-luật ở tại tinh xá Tòng lâm, nước Xá-vệ.

Lúc ấy, có nhiều chúng xuất gia ngoại đạo đến chỗ Tôn giả A-

¹⁸. Xem kinh trên.

¹⁹. Hán: hữu kết /² 𠀤² , Paøli: bhava-saöjoyana.

²⁰. Vì sao xuất gia?

na-luật cùng nhau hỏi thăm sức khỏe, rồi ngồi lui qua một bên, hỏi Tôn giả A-na-luật:

“Thưa Tôn giả, vì cớ gì Tôn giả xuất gia ở trong pháp của Sa-môn Cù-dàm?”

Tôn giả A-na-luật đáp:

“Vì để tu tập.”

Lại hỏi:

“Tu tập những gì?”

Đáp:

“Tu các căn, tu các lực, tu các giác phán, tu các niệm xứ. Các ông muốn nghe tu những gì?”

Lại hỏi:

“Căn, lực, giác phán, những danh tự ấy chúng tôi chưa biết; huống chi là lại hỏi nghĩa. Nhưng chúng tôi muốn nghe niệm xứ.”

Tôn giả A-na-luật bảo:

“Các ông hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, tôi sẽ vì các ông mà nói. Nếu Tỳ-kheo tu niệm xứ quán thân trên nội thân cho đến niệm xứ quán pháp trên pháp.”

Bấy giờ, chúng xuất gia ngoại đạo nghe Tôn giả A-na-luật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, mỗi người từ chối ngồi đứng dậy ra về.

M

KINH 545. HƯỚNG NIẾT-BÀN²¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-na-luật ở tại tinh xá Tòng lâm, nước Xá-vệ. Khi ấy Tôn giả A-na-luật nói với các Tỳ-kheo:

“Ví như cây lớn sanh trưởng mà nghiêng xuống dưới, càng nghiêng sâu càng muốn đổ²². Nếu chặt rẽ nó, cây sẽ phải ngã, thuận theo chiều nghiêng xuống. Cũng vậy, Tỳ-kheo tu bốn Niệm xứ, lâu

²¹. Paøli, S.52.8 Salaôaøgaøra (tinh xá Tòng lâm).

²². Hán: tùy tuấn tùy thâu 隨尊隨處 nghĩa không rõ. Bản Paøli: ga|gaø nad̄i paøc̄naninnaø paøc̄napo òa paøc̄inapabbhaøraø, sông Hằng hướng về Đông, xuôi về Đông, đổ về Đông.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

ngày nhãm thảng tối, đào sâu, vận chuyển, hướng đến viễn ly, nhãm thảng tối, đào sâu, vận chuyển, hướng đến giải thoát; nhãm thảng tối, đào sâu, vận chuyển, hướng đến Niết-bàn²³.”

Tôn giả A-na-luật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì đã nói, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 546. THÁO QUÁN TRƯỢNG²⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đang ở bên bờ ao Ô-nê²⁵, xóm Bạt-lan-na²⁶. Lúc ấy có Phạm chí cầm gậy tháo quán²⁷, đến chô Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, thăm hỏi sức khỏe nhau, rồi ngồi lui qua một bên, hỏi Ma-ha Ca-chiên-diên:

“Do nhân gì, duyên gì, vua tranh giành với vua, các Bà-la-môn, cư sĩ tranh giành với nhau?”

Ma-ha Ca-chiên-diên trả lời Phạm chí:

“Vì do bị trói buộc bởi tham dục²⁸ nên vua tranh giành với vua; các Bà-la-môn, cư sĩ tranh giành với nhau.”

Phạm chí lại hỏi:

“Do nhân gì, duyên gì, những người xuất gia tranh giành nhau?”

Ma-ha Ca-chiên-diên đáp:

“Vì do bị trói buộc bởi kiến dục²⁹ nên người xuất gia tranh giành

23. Paøli: cittaõ digharattaõ vivekaninnaõ vivekapoõaõ vivekapabbhaøraõ, “tâm thú lâu ngày hướng viễn ly, xu hướng viễn ly, khuynh hướng viễn ly”.

24. Án Thuận, “31. Tương ứng Đại Ca-chiên-diên”, gồm các kinh Đại Chánh 546-555. – Đại Chánh kinh 546, Paøli: A.2.4.6 AØraømadaõña.

25. Ô-nê trì ອ່ານ້າ. Paøli: Kaddamadaha (ao bùn).

26. Bạt-lan-na tụ lạc ບັດລັນນະ ຕຸລັກ. Paøli: Varaõaø.

27. Chấp tháo quán trưng phạm chí ສົບສົບ ສົບສົບ không rõ nghĩa (Phạm chí cầm gậy có treo bình nước rửa tay?). Chữ quán, bản Cao-ly: tưới nước; bản Tống: rửa tay; bản Nguyên-Thánh: cái hủ. Paøli: AØraømadaõña braøhmaøo.

28. Tham dục hệ trước ຂະຍະ ດູ້. Paøli: kaømaraøgaøbhinivesa, đam mê dục lạc.

29. Kiến dục hệ trước ລະຍະ ດູ້. Paøli: diææhiraøgaøbhinivesa, đam mê kiến giải.

với người xuất gia.”

Phạm chí lại hỏi:

“Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, có người nào lìa được sự ràng buộc của tham dục và lìa được sự ràng buộc của những kiến dục này không?”

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đáp:

“Có, nay Phạm chí, Đại Sư của tôi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, có thể lìa được sự ràng buộc của tham dục và lìa được sự ràng buộc của những kiến dục này.”

Phạm chí lại hỏi:

“Phật Thế Tôn hiện nay đang ở chỗ nào?”

Đáp:

“Đức Thế Tôn hiện tại đang ở giữa những người Ba-la-kỳ, nơi rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc, thành Xá vê, nước Câu-tát-la.”

Bấy giờ, Phạm chí từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, trích vai áo bên hữu, gối phải quỳ sát đất, hướng về nơi ở của Phật chắp tay tán thán: ‘Nam-mô Phật! Nam-mô Phật Thế Tôn, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác có thể lìa mọi sự ràng buộc của tham dục, hoàn toàn xa lìa mọi sự trói buộc của tham dục và các kiến dục, sạch hết cội gốc.’

Bấy giờ, Phạm chí cầm gậy tháo quán nghe Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

M

KINH 547. TÚC SĨ³⁰

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vê. Bấy giờ Tôn giả Ca-chiên-diên đang ở bên bờ ao Ô-nê thôn Bà-la-na³¹. Bấy giờ, cùng với số đông Tỳ-kheo tụ tập ở nhà ăn, vì việc

30. Người lớn tuổi. Paøli, A.2.4.7 Kaðñaraøyana.

31. Bà-la-na *बलन* xem cht. 25, 26, kinh 546. Paøli: Madhur aø ya Gund aø vane, trong rừng Gund aø, vương

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

thọ trì y. Lúc ấy, có Phạm chí chống gậy³² tuổi già, các căn suy yếu, đến chõ nhà ăn, chống gậy đứng một bên. Sau một hồi im lặng, ông mới nói với các Tỳ-kheo:

“Này các Trưởng lão, tại sao các ông thấy người lớn tuổi, mà không chào hỏi, cung kính mời ngồi?”

Lúc đó, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên cũng ngồi trong chúng. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo Phạm chí:

“Theo pháp của chúng tôi, khi có người già cả đến, đều chào hỏi cung kính, lễ bái, mời ngồi.”

Phạm chí nói:

“Tôi thấy trong chúng này, không có ai già cả hơn tôi, mà chẳng có ai cung kính chào hỏi mời ngồi. Thế sao ông nói rằng theo pháp của ông, nếu thấy có người lớn tuổi thì đều cung kính lễ bái mời ngồi?”

Ma-ha Ca-chiên-diên đáp:

“Này Phạm chí, nếu có người nào già cả đến tám mươi, chín mươi tuổi, tóc bạc, răng rụng, mà chỉ thành tựu được pháp thiếu niên, thì người này chẳng phải là bậc tôn túc³³. Ngược lại, tuy là người tuổi trẻ khoảng hai mươi lăm, da trắng tóc đen, khỏe mạnh, hoàn toàn đẹp đẽ, mà thành tựu được pháp của bậc cao niên, thì được kể vào hàng tôn túc.”

Phạm chí hỏi:

“Tại sao gọi là người tám mươi, chín mươi tuổi, tóc bạc răng rụng, lại thành tựu pháp thiếu niên, còn người trẻ tuổi khoảng hai mươi lăm, da trắng tóc đen, khỏe mạnh, đẹp đẽ, lại được kể vào hàng tôn túc?”

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo Phạm chí:

“Có năm phẩm chất của dục, đó là sắc được nhận thức bởi mắt,

quoác Madhura.

32. Chấp trưởng phạm chí *ঝঝ পু ঝঝ পাৰলি*: Bà-la-môn Kaðñaraøyanā.

33. Hán: túc sĩ *তৃষ্ণা*. Paøli: atha kho baølo na therotveva saíkhyao gacchati. “(người bị chi phối bởi dục voëng) người như vậy được gọi là người ngu, chứ không phải là Trưởng lão”. Paøli, baøla chỉ người ngu, cũng có nghĩa là con nít.

đáng yêu, đáng thích, đáng nhớ nghĩ; tiếng được nhận thức bởi tai; hương được nhận thức bởi mũi; vị được nhận thức bởi lưỡi; xúc được nhận thức bởi thân, đáng yêu, đáng thích, đáng nhớ nghĩ. Đối với năm phẩm chất của dục này, mà không lìa tham, không lìa dục, không lìa ái, không lìa niệm tưởng, không lìa khát vọng, thì này Phạm chí, nếu người nào như vậy, thì dù tám mươi, chín mươi tuổi, tóc bạc, răng rụng, cũng gọi đó là thành tựu được pháp thiếu niên. Còn người tuy tuổi mới hai mươi lăm, da trắng, tóc đen, khỏe mạnh, đẹp đẽ nhưng đối với năm phẩm chất của dục này, mà lìa tham, lìa dục, lìa ái, lìa niệm tưởng, lìa khát vọng. Người như vậy, tuy tuổi mới hai mươi lăm, da tắng, tóc đen, khỏe mạnh, đẹp đẽ nhưng thành tựu được pháp của bậc lão nhân thì được kể vào hàng tôn túc.”

Bấy giờ, Phạm chí mới nói với Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

“Như ý nghĩa Tôn giả đã nói, nếu tự xét lại mình thì tuy tôi đã già mà lại nhỏ, còn các vị tuy trẻ tuổi mà đã thành tựu được pháp của bậc cao niên.

“Thưa Tôn giả, thế gian bận nhiều việc, tôi xin cáo từ.”

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đáp:

“Này Phạm chí, ông tự biết đúng thời.”

Phạm chí nghe Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói xong, tùy hỷ, vui mừng rồi trở về nhà mình.

M

KINH 548. MA-THÂU-LA³⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đang ở trong rừng rậm³⁵. Lúc ấy, quốc vương nước Ma-thâu-la là Tây Phươong vương tử³⁶ đi đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, đánh lẽ, rồi ngồi lui qua một bên, hỏi Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

34. Paøli, M.84 Madhura-sutta.

35. Trù lâm *শাল* Paøli: Madhuraøyaö Gundøvane.

36. Tây P^{hương} v^{ua} ng tử / ພະ ແກ້ວລີ. Paøli, vua nước Madhuraø tên là Avantiputta.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

“Người Bà-la-môn tự nói, ta là nhất, kẻ khác là thấp hèn. Ta là trắng, kẻ khác là đen. Bà-la-môn là thanh tịnh, chứ không phải phi Bà-la-môn. Chính con Phạm thiên³⁷ từ miệng sanh ra, được hóa sanh từ Phạm thiên, là thừa tự của Phạm thiên³⁸, nên chúng là sở hữu của Phạm thiên. Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nghĩa này thế nào?”

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói với vua Ma-thâu-la:

“Đại vương, đây chỉ là ngôn thuyết của thế gian³⁹. Người thế gian cho rằng Bà-la-môn là nhất, kẻ khác là thấp hèn. Bà-la-môn là trắng, kẻ khác là đen. Bà-la-môn là thanh tịnh, chứ không phải phi Bà-la-môn. Chính Bà-la-môn được Phạm thiên sanh, từ miệng sanh ra, được hóa sanh từ Phạm thiên, là thừa tự của Phạm thiên. Đại vương nên biết, nghiệp là chân thật; điều đó căn cứ vào nghiệp.

Vua nói với Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

“Đó là những lời nói sơ lược, tôi không hiểu rõ. Xin giải thích phân biệt lại cho.”

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đáp:

“Bây giờ, tôi sẽ hỏi Đại vương, tùy theo câu hỏi mà Đại vương trả lời.”

Tôn giả liền hỏi:

“Thưa Đại vương, ngài là vua Bà-la-môn⁴⁰, nơi đất nước của mình có bốn hạng người này là Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, cư sĩ, gia chủ, đều được gọi đến. Ngài dùng tiền của, thế lực khiến họ hầu cận phòng vệ, họ dậy trước ngủ sau và các mệnh lệnh được chấp hành, tất cả đều được như ý mình không?”

Vua đáp:

“Nhu ý.”

Tôn giả lại hỏi:

“Tâu Đại vương, Sát-đế-lợi là vua, cư sĩ là vua, gia chủ là vua⁴¹.

37. Bản Hán: Bà-la-môn từ भूत्ति रा ऋषि không phân biệt brahma (Phạm thiên) với brahma (Bà-la-môn).

38. Bản Hán: thí Bà-la-môn sở hữu भूत्ति रा ऋषि / रा पार्वती brahmadaoyaeda.

39. Paøli: ghosoyeva kho eso, mahaøraja, lokasmiø, đó chỉ là tiếng chào xáo trong đời.

40. Nên hiểu, “nếu người Bà-la-môn làm vua”. So sánh các đoạn dưới.

41. Nên hiểu, “nếu người Sát-đế-lợi (...) làm vua”.

Nếu tại đất nước của mình có bốn chủng tánh, đều được gọi đến. Nhà vua dùng của cải, thế lực, khiến họ hầu cận phòng vệ, họ dậy trước ngủ sau và vua ra lệnh làm các việc, thì có được như ý vua không?"

Vua đáp:

"Như ý."

"Thưa Đại vương, như vậy bốn chủng tánh này, tất cả đều bình đẳng có sai biệt nào. Đại vương nên biết, bốn chủng tánh này tất cả đều bình đẳng, không có sự sai biệt nào hoặc hơn hay bằng."

Vua Ma-thâu-la bạch Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Thưa Tôn giả đúng như vậy, bốn chủng tánh này đều bình đẳng, không có gì sai biệt dù là hơn hay là bằng."

"Cho nên, Đại vương nên biết, bốn chủng tánh này theo ngôn thuyết của thế gian là có sai khác, cho đến, căn cứ vào nghiệp, chân thật chứ không sai khác."

"Lại nữa, Đại vương trong đất nước này, nếu dòng Bà-la-môn có người trộm cắp thì nên hành xử như thế nào?"

Vua thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Trong dòng Bà-la-môn nếu có người nào trộm cắp thì sẽ bị đánh bằng roi, bị trói, hoặc bị đuổi ra khỏi nước, hoặc phạt tiền của, hoặc bị chặt tay chân, xéo tai mũi; nếu là tội nặng thì sẽ bị giết chết. Kẻ trộm đó dù là dòng Bà-la-môn cũng gọi là giặc."

Lại hỏi:

"Thưa Đại vương, nếu trong dòng Sát-đế-lợi, cư sĩ, gia chủ có kẻ trộm cắp, thì phải làm thế nào?"

Vua thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Cũng bị phạt đánh roi, bị trói, bị đuổi ra khỏi nước, cũng phạt tiền của, bị chặt tay, chân, xéo tai, mũi; nếu tội nặng thì bị giết chết."

"Như vậy, thưa Đại vương, há không phải bốn chủng tánh đều bình đẳng sao? Hay có sự sai khác nào chăng?"

Vua thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Ý nghĩa của chúng là như vậy. Thật ra không có bất cứ một sai biệt nào dù là hơn hay là bằng."

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên lại nói với vua:

"Đại vương nên biết, về bốn chủng tánh này, ngôn thuyết của thế gian nói, Bà-la-môn là nhất, kẻ khác là thấp hèn. Bà-la-môn là

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

trắng, kẻ khác là đen. Bà-la-môn là thanh tịnh, chứ không phải phi Bà-la-môn. Chính Bà-la-môn được Phạm thiên sanh, từ miệng sanh ra; được hóa sanh từ Phạm thiên, là thừa tự của Phạm thiên. Há không phải là y cứ vào nghiệp, chân thật y cứ vào nghiệp chăng?”

Lại hỏi:

“Đại vương, nếu người Bà-la-môn sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói lời ác, hai lưỡi, nói thêu dệt, tham, nhuế, tà kiến, tạo mười nghiệp đạo bất thiện thì sẽ sanh vào cõi ác hay cõi lành? Từ nơi vị A-la-hán⁴² vua đã nghe được những gì?”

Vua thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

“Bà-la-môn tạo mười nghiệp đạo bất thiện sẽ đọa vào đường ác. Từ nơi A-la-hán tôi nghe như vậy. Sát-đế-lợi, cư sĩ, gia chủ cũng nói như vậy.

Lại hỏi:

“Thưa Đại vương, nếu Bà-la-môn nào làm mười nghiệp đạo lành, xa lìa sát sanh cho đến chánh kiến thì sẽ sanh vào nơi nào? Cõi lành hay cõi ác? Từ nơi vị A-la-hán vua đã nghe được những gì?”

Vua thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

“Nếu Bà-la-môn làm mười nghiệp đạo lành thì sẽ sanh vào cõi lành. Từ nơi A-la-hán tôi nghe như vậy. Sát-đế-lợi, cư sĩ, gia chủ cũng nói như vậy.”

Lại hỏi:

“Thế nào Đại vương, bốn chủng tính như vậy, là có bình đẳng không, hay có gì sai biệt dù là hơn hoặc là bằng?”

Vua thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

“Theo nghĩa như vậy thì là bình đẳng, không có gì sai biệt dù là hơn hay là bằng.”

“Cho nên Đại vương nên biết, bốn chủng tính này đều bình đẳng không có gì sai biệt dù là hơn hay là bằng. Theo ngôn thuyết thế gian mà nói, Bà-la-môn là nhất, kẻ khác là thấp hèn. Bà-la-môn là trắng, kẻ khác là đen. Bà-la-môn là thanh tịnh, chứ không phải phi Bà-la-môn. Chính Bà-la-môn được Phạm thiên sanh, từ miệng sanh ra;

42. A-la-ha *a: / ɿ / P aø li; aø rɑ haø*, tức A-la-hán; ở đây chỉ chung các bậc Thánh được tôn sùng, không phải riêng A-la-hán trong hàng Thanh văn của Phật.

được hóa sanh từ Phạm thiên, là thừa tự của Phạm thiên. Nên biết là do nghiệp là chân thật, là y cứ vào nghiệp.

Vua thừa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

“Thật đúng như những gì đã nói đó, tất cả đều ngôn thuyết của thế gian nên nói Bà-la-môn là nhất, kẻ khác là thấp hèn. Bà-la-môn là trắng, kẻ khác là đen. Bà-la-môn là thanh tịnh, chứ không phải phi Bà-la-môn. Chính Bà-la-môn được Phạm thiên sanh, từ miệng sanh ra, được hóa sanh từ Phạm thiên, là thừa tự của Phạm thiên. Nhưng đều do nghiệp là chân thật, là y cứ vào nghiệp.”

Vua Ma-thâu-la nghe Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói xong, tùy hỷ vui mừng làm lễ rồi đi.

M

KINH 549. CA-LÊ⁴³

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đang ở trong tinh xá Câu-la-la-trà, nước A-bàn-đê⁴⁴.

Sáng sớm, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đắp y, mang bát, vào⁴⁵ Câu-la-la-trà, tuần tự đi khất thực, đến nhà Uu-bà-di Ca-lê-ca⁴⁶.

Khi ấy, Uu-bà-di trông thấy Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, liền sửa soạn chỗ ngồi, rồi mời ngồi, đánh lễ dưới chân Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên xong, đứng lui qua một bên, thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

“Như những gì Đức Thế Tôn đã dạy, trả lời câu hỏi của đồng nữ Tăng-kỳ-đa⁴⁷. Thế Tôn đã nói trong bài kệ những câu hỏi của đồng nữ

43. Paøli, A.10.26 Kaøli.

44. A-bàn-đê quốc Câu-la-la-trà tinh xá *avanti kuraraghara pavatte pabbate*, trong thị trấn Kuraraghara, vương quốc Avanti, trong nuùi Pavatta.

45. Hán: nhập *入*. Có sự nhầm lẫn về địa danh trong bản Hán.

46. Ca-lê-ca *カレカ*, Paøli: Kuraragharikaø *カラガリ*, vợ của người thợ săn chim ưng (?). Bản Paøli: Uu-bà-di Kaøli di đến chỗ Tôn giả.

47. Tăng-kỳ-đa đồng nữ sở vấn *アバダニ*, *avanti kuraraghara pavatte pabbate*: Kum *カム* *ripa* *オハ*, “những câu hỏi của Đồng nữ”, chỉ các con gái của Mara, trong kinh S.4.25 Dhitaro.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Tăng-kỳ-đà:

*Thật nghĩa ở tại tâm,
Tịch diệt mà không loạn⁴⁸.
Hàng phục quân dũng mãnh,
Sắc đẹp đẽ đáng yêu⁴⁹.
Một mình, chuyên thiên tú,
Ném Thiên lạc vi diệu,
Đó gọi là xa lìa,
Các bạn bè thế gian.
Các bạn bè thế gian,
Không gân gùi ta được.*

“Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, bài kệ này của Thế Tôn, ý nghĩa như thế nào?

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên trả lời Uu-bà-di:

“Này chí, có một Sa-môn Bà-la-môn nói: Biến xứ định về đất⁵⁰; không còn gì hơn đây để cầu mong quả này⁵¹. Ngày chí, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào đối với biến xứ định về đất, mà được thanh tịnh trong sáng, thì sẽ thấy được căn bản của nó⁵², thấy được sự tai hại, thấy được sự diệt tận, thấy được con đường đưa đến sự diệt tận. Vì thấy được cội gốc, thấy được sự tai hại, thấy được sự diệt tận, thấy được con đường đưa đến sự diệt tận, nên đạt được nghĩa chân thật tại tâm, tuy tịch diệt nhưng không loạn.

Này chí, cũng vậy biến xứ định về nước, biến xứ định về lửa, biến xứ định về gió, biến xứ

48. Hán: *thật nghĩa tồn u* tâm, tịch diệt nhi bất loạn *তথ্য সত্ত্ব অবস্থা নিরুৎসাহ নিরুন্ধাত্ব* / *Paøli: atthassa pattiø hadayassa santiø, dat* đến mục đích (ý nghĩa) và sự tịch tĩnh của tâm.

49. *Paøli: jetva senaø piyasaøtaruøpaø*, hàng phục quân đội sắc khâ ái, khâ hỷ.

50. Hán: *địa nhất thiết nhập xứ chánh tho* / *Paøli: Jøø Bøø* môn chánh tho (tập trung tư tưởng) có đê mục là nhất thiết nhập (hay biến xứ: tập trung trên tính phổ biến của đối tượng) với đối tượng là đất, một trong mười đối tượng của đê mục thiền định biến xứ. Paøli: *paæhavi-kasiø-samaøpatti*.

51. *Paøli: paæhavikasiøasamaøpattiparamaø kho bhagini eke samaøabraøhmaøaø attho' ti abhinibbatteuso*, “Một số Sa-môn, Bà-la-môn cho rằng địa biến xứ định là mục đích (ý nghĩa) tối thượng”.

52. Đây chỉ vị ngọt của định. *Paøli: assaøda*.

định về màu xanh, biến xứ định về màu vàng, biến xứ định về màu đỏ, biến xứ định về màu trắng; biến xứ định về hư không, biến xứ định về thức là tối thượng để cầu mong quả này.

Này chí, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào cho đến, biến xứ định về thức, mà được thanh tịnh trong sáng, thì sẽ thấy căn bản, thấy được sự tai hại, thấy được sự diệt tận, thấy được con đường đưa đến sự diệt tận. Vì thấy được căn bản, thấy được sự tai hại, thấy được sự diệt tận, thấy con đường đưa đến sự diệt tận, nên đạt được nghĩa chân tại tâm, tịch diệt mà không loạn, khéo thấy, khéo nhập. Cho nên, Thế Tôn trả lời bài kệ những câu hỏi của đồng nữ Tăng-kỳ-đa:

*Thật nghĩa ở tại tâm,
Tịch diệt mà không loạn.
Hàng phục quân dũng mãnh,
Sắc đẹp đẽ đáng yêu.
Một mình, chuyên thiền tú,
Nếm Thiên lạc vi diệu,
Đó gọi là xa lìa,
Bạn bè của thế gian.
Các bạn bè thế gian,
Không gần gũi ta được.*

“Này chí, vì tôi hiểu Thế Tôn bằng ý nghĩa như vậy mà nói kệ như vậy.”

Ưu-bà-di thưa:

“Lành thay Tôn giả! Tôn giả đã nói nghĩa chân thật. Xin Tôn giả nhận lời mời thọ trai của con.”

Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên im lặng nhận lời.

Ưu-bà-di Ca-lê-ca biết Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đã nhận lời mời rồi, liền sắm sửa các thứ đồ ăn thức uống ngon lành, cung kính tôn trọng, tự tay dâng thức ăn. Khi Ca-lê-ca biết Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đã thọ thực, rửa bát, súc miệng xong, liền sửa soạn một chỗ ngồi thấp trước Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, cung kính nghe pháp. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên vì nữ cư sĩ mà nói các pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, khiến cho hoan hỷ, sau đó Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

KINH 550. LY⁵³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên cũng ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo các Tỳ-kheo:

“Phật Thế Tôn, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, là bậc Kiến giả⁵⁴, nói sáu pháp ra khỏi chỗ khổ, đạt đến chỗ thù thắng, nói nhất thừa đạo khiến cho chúng sanh được thanh tịnh, lìa mọi sự khổ não, dứt hết lo buồn, được pháp chân như⁵⁵. Sáu pháp ấy là gì? Đó là, Thánh đệ tử niêm tưởng pháp sở hành của Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là pháp sở hành thanh niêm⁵⁶: Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Diều Ngự Trưởng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Thánh đệ tử do niêm pháp sở hành của Như Lai, nên lìa giác tưởng tham dục, lìa giác tưởng sân nhuế, lìa giác tưởng não hại⁵⁷. Thánh đệ tử ra khỏi tâm nhiễm trước. Tâm nhiễm trước là gì? Đó là năm phẩm chất của dục. Nếu đối với năm phẩm chất của dục này mà lìa tham, nhuế, si, an trụ chánh niệm, chánh trí, nương theo trực đạo, tu tập niêm Phật, chánh chánh hướng thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, nói nhất thừa đạo thứ nhất ra khỏi khổ, đạt đến chỗ thù thắng, khiến chúng sanh được thanh tịnh, lìa khỏi mọi khổ não, diệt hết mọi lo buồn, được pháp như thật.

“Lại nữa, Thánh đệ tử luôn niêm tưởng Chánh pháp, niêm: Pháp

53. Paøli, A.6.26 Kaccaøna.

54. Hán: sô tri sô kiến ဓ. ສ. ສ. ລ. Paøli: jaønataø passataf, danh từ tác nhân; bản Hán hiểu là phần từ quá khứ.

55. Paøli: óaøyassa adhigamaøya nibbaønassa sacchikittiøya, để đạt chánh lý, chứng Niết-bàn.

56. Nguyên bản: tịnh %. Theo đoạn dưới, sửa lại là niêm %.

57. Tham dục giác, sân nhuế giác, hại giác ແກ້ວມະນຸກິດ, ແກ້ວມະນຸກິດ, tức ba bất thiện tâm. Paøli: tayo akusala-vitakk aø:k aø:ma-vitakko, vyaøpaøda-, vihiøsa-vitakko.

luật hiện tại của Thế Tôn⁵⁸, lìa mọi nhiệt não, phi thời gian, thông suốt, thấy ngay trong hiện tại, duyên tự mình mà giác ngộ⁵⁹. Lúc Thánh đệ tử niêm Chánh pháp, không khởi giác tưởng tham dục, giác tưởng sân nhuế, não hại. Như vậy, Thánh đệ tử ra khỏi tâm nhiễm trước. Tâm nhiễm trước là gì? Đó là năm phẩm chất của dục. Nếu đối với năm phẩm chất của dục này mà lìa tham, nhuế, si, an trụ chánh niệm, chánh trí, nương theo trực đạo, tu tập niêm Phật, chân chánh hướng thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, nói nhất thừa đạo thứ hai ra khỏi khổ, đạt đến chỗ thù thắng, khiến chúng sanh được thanh tịnh, lìa khỏi mọi khổ não, diệt hết mọi lo buồn, được pháp như thật.

“Lại nữa, Thánh đệ tử luôn niêm Tăng pháp là bậc thiện xảo thú hướng, chân chánh thú hướng, trực chỉ thú hướng, bình đẳng thú hướng, tu hạnh tùy thuận, Đó là hướng Tu-đà-hoàn, đắc quả Tu-đà-hoàn; hướng Tư-đà-hàm, đắc quả Tư-đà-hàm; hướng A-na-hàm, đắc quả A-na-hàm; hướng A-la-hán, đắc quả A-la-hán. Như vậy, bốn đôi, tám bậc, đó gọi là Tăng đệ tử của Thế Tôn, đầy đủ giới, đầy đủ định, đầy đủ tuệ, đầy đủ giải thoát, đầy đủ giải thoát tri kiến, là phước điền Vô thượng của thế gian, là nơi xứng đáng cúng dường, cung kính, lễ bái⁶⁰. Khi Thánh đệ tử niêm Tăng, không khởi giác tưởng tham dục, sân nhuế, não hại, như vậy, Thánh đệ tử thoát khỏi tâm nhiễm trước. Tâm nhiễm trước là gì? Đó là năm phẩm chất của dục. Nếu đối với năm phẩm chất của dục này mà lìa tham, nhuế, si, an trụ chánh niệm, chánh trí, nương theo trực đạo, tu tập niêm Phật, chân chánh hướng thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác,

58. Dịch sát Hán: *Thế Tôn hiện tại pháp luật* 泰尊現法律 . Bản Hán hiểu sai. Văn chuẩn theo Huyền Trang: *Phật chánh pháp (thiện thuyết) hiện kiến* 泰尊現法 (眞說) : Chánh pháp của Phật (được khéo thuyết), chứng nghiệm ngay trong hiện tại. Paøli: (svaøkkhato) bhagavato dhammo sandiææhiko. Xem cht. dưới.

59. Văn chuẩn định cũ về niêm pháp (Huyền Trang, Pháp Uẩn Túc Luận 3): “Phật Chánh pháp thiện thuyết, hiện kiến, vô nhiệt, ứng thời, dẫn đạo, cận quán, trí giả nội chứng”. Paøli: svaøkkhaøto bhagavataø dhammo sandiææhiko akaøliko ehipassiko opnanaøyiko paccattaø veditabbo vióouøhiti.

60. Văn chuẩn định cũ về niêm Tăng, xem Pháp uẩn, đã dẫn trên.

là bậc Tri giả, Kiến giả, nói nhất thừa đạo thứ ba ra khỏi khổ, đạt đến chõ thù thắng, khiến chúng sanh được thanh tịnh, lìa khỏi mọi khổ não, diệt hết mọi lo buồn, được pháp như thật.

“Lại nữa, Thánh đệ tử niệm Giới đức, niêm: Giới không khuyết, giới không vỡ, giới thuần hậu, giới không lìa, giới không trộm lấy⁶¹, giới khéo rốt ráo, giới đáng khen ngợi, giới mà bậc phạm hạnh không ghét bỏ. Nếu Thánh đệ tử khi niệm giới, tự nhớ nghĩ những giới đã được thành tựu trong thân, ngay lúc ấy không khởi giác tưởng tham dục, sân nhuế, não hại, thì như vậy là Thánh đệ tử đã ra khỏi tâm nhiễm trước. Tâm nhiễm trước là gì? Đó là năm phẩm chất của dục. Nếu đối với năm phẩm chất của dục này mà lìa tham, nhuế, si, an trụ chánh niệm, chánh trí, nương theo trực đạo, tu tập niêm Phật, chân chánh hướng thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, nói nhất thừa đạo thứ tư ra khỏi khổ, đạt đến chõ thù thắng, khiến chúng sanh được thanh tịnh, lìa khỏi mọi khổ não, diệt hết mọi lo buồn, được pháp như thật.

“Lại nữa, Thánh đệ tử niệm Thí pháp⁶², tâm tự vui mừng: Nay ta đã lìa cấu uế xan tham; dù là tại gia mà tâm bối thí với sự giải thoát, thường thí, xả thí, vui thí, thành tựu sự bối thí, bối thí bình đẳng. Nếu Thánh đệ tử khi niệm thí pháp mà tự mình bối thí, không khởi giác tưởng tham dục, sân nhuế, não hại, thì như vậy, Thánh đệ tử ra khỏi tâm nhiễm trước. Tâm nhiễm trước là gì? Đó là năm phẩm chất của dục. Nếu đối với năm phẩm chất của dục này mà lìa tham, nhuế, si và an trụ chánh niệm, chánh trí, nương theo trực đạo, tu tập niêm Phật, chân chánh hướng thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, nói nhất thừa đạo thứ năm ra khỏi khổ, đạt đến chõ thù thắng, khiến chúng sanh được thanh tịnh, lìa khỏi mọi khổ não, diệt hết mọi lo buồn, được pháp như thật.

“Lại nữa, Thánh đệ tử luôn niêm Thiên đức⁶³, niêm: Tứ vương

61. Phi đạo thủ giới «ພ ໂ ຊ ຈ». Paøli: bhujssaoñi (silaøni): nô lệ được giải phóng, tự do; (giới) tự tại.

62. Paøli: caøga, huệ thí, thí xả, từ thiện bối thí.

63. Paøli: devataønussati, niêm tưởng chư Thiên.

thiên, Tam thập tam thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất-dà thiên, Hóa lạc thiên, Tha hóa tự tại thiên, với tín tâm thanh tịnh, khi mạng chung ở nơi nay sẽ sanh lên các cõi trời. Ta cũng như vậy, với tín, giới, thí, văn, tuệ, mạng chung ở nơi này sẽ được sanh lên các cõi trời. Như vậy, khi Thánh đệ tử niệm công đức chư Thiên, không khởi giác tưởng tham dục, sân nhuế, não hại, thì như vậy, Thánh đệ tử ra khỏi tâm nhiễm trước. Tâm nhiễm trước là gì? Đó là năm phẩm chất của dục. Nếu đối với năm phẩm chất của dục này mà lìa tham, nhuế, si và an trụ chánh niệm, chánh trí, nương theo trực đạo, tu tập niêm Phật, chân chánh hướng thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, nói nhất thừa đạo thứ năm ra khỏi khổ, đạt đến chỗ thù thắng, khiến chúng sanh được thanh tịnh, lìa khỏi mọi khổ não, diệt hết mọi lo buồn, được pháp như thật.”

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 551. HA-LÊ (1)⁶⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên ở tại tinh xá họ Thích trong thôn Ha-lê.

Bấy giờ trưởng giả Ha-lê Tụ lạc⁶⁵ đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, cúi đầu đánh lẽ, rồi ngồi lui qua một bên, thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

“Như bài kệ Thế Tôn trả lời những câu hỏi của Ma-kiền-đề trong kinh Nghĩa phẩm⁶⁶:

Đoạn tất cả các dòng,

^{64.} Paøli, S.22.3 Haøliddikaøni.

^{65.} Ha-lê Tụ lạc trưởng giả *ঢালু প্রকাশ এবং আজ্ঞা* Ha-lê tụ lạc chủ; xem kinh tiếp theo. Paøli: Haøliddikaøni-gahapati.

^{66.} Paøli: *aææhakavaggiye maøgandiyapaóhe*, trong kinh Những câu hỏi của Maøgandiya, phẩm thứ 8 (Suttanipaøta).

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Lấp kín nguồn nước chảy;
Sống thân cận làng xóm,
Mâu ni không khen ngợi.
Năm dục đã trống rỗng.
Quyết không đây trở lại;
Lời tranh tụng thế gian,
Chung cuộc không xảy nữa.*

Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, kệ này có ý nghĩa gì?”

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên trả lời gia chủ:

“Con mắt là dòng chảy. Tham phát khởi bởi thức con mắt. Nương vào giới con mắt mà tham dục chảy trào ra, nên gọi là dòng chảy⁶⁷. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý là dòng chảy tham phát khởi bởi ý thức. Nương vào ý giới mà tham dục chảy trào ra, nên gọi là dòng chảy.”

Gia chủ lại hỏi Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

“Thế nào gọi là không chảy trào ra⁶⁸? ”

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo gia chủ:

“Thức của con mắt; ái và hỷ y trên sắc được nhận thức bởi mắt mà phát sanh, nếu chúng dứt sạch, vô dục, diệt tận, tịch tĩnh, tịch diệt, thì đó gọi là không chảy trào ra. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý; là ý thức; tham dục y trên pháp được nhận thức bởi ý mà phát sanh, nếu chúng dứt sạch, vô dục, diệt tận, tịch tĩnh, tịch diệt, thì đó gọi là không chảy trào ra.”

Lại hỏi:

“Thế nào là nguồn⁶⁹? ”

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đáp:

“Duyên con mắt và sắc sanh ra thức con mắt. Ba sự hòa hợp sanh ra xúc. Duyên xúc sanh cảm thọ, hoặc thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc. Từ đó phát xuất dòng nhiễm trước. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý; ý thức, ý thức pháp, cả ba hòa hợp sanh ra xúc. Duyên xúc sanh cảm thọ, hoặc thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc.

67. Hán: *lưu* *Paøli*: ruøpadhaøtu gahapati vióóaøòassa oko, ruøpadhaøturaøgavinibaddhaóca pana vióóaøòam okasaøriti vuccati, “Sắc giới là nhà của thức. Thức bị trói buộc bởi sắc giới tham được gọi là người ở trọ nhà”. Bản Hán đọc *ogho* (dòng chảy) thay vì *oko* (nhà).

68. Bất lưu *øL* *Paøli*: anokasaøri, người không ở trọ. Xem cht. trên.

69. Lưu nguyên *y* *ø%* *Paøli*: niketasaøri, tiêu tướng của trú xứ.

Dòng ái hỷ y nơi thọ này phát xuất, đó gọi là nguồn của dòng.”

“Thế nào là lấp nguồn của dòng này?”

“Sự hệ lụy do giới con mắt tiếp nhận cảnh giới tâm pháp; nếu sự hệ lụy này dứt sạch, vô dục, diệt tận, tịch tĩnh, tịch diệt, đó gọi là lấp nguồn của dòng. Sự hệ lụy do tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp nhận cảnh giới tâm pháp; nếu sự hệ lụy này dứt sạch, vô dục, diệt tận, tịch tĩnh, tịch diệt, đó gọi là lấp nguồn của dòng.”

Lại hỏi:

“Thế nào là thân cận, tán thán nhau?”⁷⁰

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đáp:

“Tại gia, xuất gia thân cận nhau, cùng mừng, cùng lo, cùng vui, cùng khổ, việc gì cũng đều làm chung; đó gọi là thân cận, tán thán nhau.”

Lại hỏi:

“Thế nào là không khen ngợi?”⁷¹

“Là tại gia, xuất gia không cùng thân cận, không cùng mừng, không cùng lo, không cùng khổ, không cùng vui; phàm làm việc gì cũng đều không cùng nhau vui vẻ tán thành; đó gọi là không khen ngợi.”

“Thế nào dục không trống không?”

“Có năm phẩm chất của dục; sắc được nhận thức bởi mắt, đáng ưa, đáng thích, đáng nghĩ nhớ, đắm trước sâu, nuôi lớn dục. Tiếng bởi tai, hương bởi mũi đối với hương, vị bởi lưỡi đối với vị, xúc bởi thân đối với xúc, đáng ưa, đáng thích, đáng nghĩ nhớ, đắm trước sâu, nuôi lớn dục. Đối với năm dục này mà không lìa tham, không lìa ái, không lìa nhớ nghĩ, không lìa khao khát, thì đó gọi là dục không trống không.”

“Thế nào gọi là dục trống không?”

“Là đối với năm dục này mà lìa tham, lìa dục, lìa ái, lìa nhớ nghĩ, lìa khao khát, thì đó gọi là dục trống không.”

“Nói bị hệ lụy trói buộc bởi ngã, đó là khi tâm pháp trở lại

70. Paøli: kathaø ca gaøme santhavajaøto hoti, “Thế nào là sự hòa thuận trong thôn xóm?”

71. Bản Paøli: “Thế nào là không gần gũi xóm làng?”

72. Bất không dục *øL a[^]ty*. Paøli: kaømehi aritto, chưa dọn sạch các dục.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

đầy⁷³.

“Vì Tỳ-kheo A-la-hán kia, đã đoạn tận các lậu, cắt đứt gốc rễ của chúng, như chặt đứt ngọn cây đa-la, đời vị lai sẽ không sanh trở lại nữa, thì làm sao lại cùng với kẻ khác tranh tụng.

“Cho nên, Thế Tôn trả lời câu hỏi của Ma-kiền-đề trong kinh Nghĩa phẩm bằng bài kệ:

*Đoạn tất cả các dòng,
Lấp kín nguồn nước chảy;
Sống thân cận làng xóm,
Mâu-ni không khen ngợi.
Năm dục đã trống rỗng,
Quyết không đầy trở lại;
Lời tranh tụng thế gian,
Chung cuộc không xảy nữa.*

Đó gọi là sự phân biệt nghĩa lý bài kệ mà Như Lai đã nói.”

Bấy giờ, gia chủ Ha-lê Tụ lạc khi nghe Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ rồi ra về.

M

KINH 552. HA-LÊ (2)⁷⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đang ở tại tinh xá của họ Thích trong thôn Ha-lê. Vị gia chủ thôn chủ Ha-lê⁷⁵ đi đến chõ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên cúi đầu đánh lẽ dưới chân Tôn giả, rồi ngồi lui qua một bên, thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

“Như lúc Đức Thế Tôn ở trong hang đá núi Giới cách đã nói với Thiên đế Thích⁷⁶ rằng: ‘Này Kiều-thi-ca, nếu có Sa-môn, Bà-

⁷³. Giải thích câu tụng 6. Paøli: kathaóca... apurakkhaøno hoti, thế nào là không ước vọng?

⁷⁴. S.22.4 Haøliddikaøni.

⁷⁵. Xem cht.65, kinh 551.

⁷⁶. Nguyên Hán: ຜົມ ຈີ ພະ ແພ ພິ ພິ ພິ ພິ. Xem kinh 505. Paøli: Kurara ghare

la-môn nào mà giải thoát vô thượng với sự diệt tận ái⁷⁷, tâm khéo chân chánh giải thoát, rốt ráo biên tế, rốt ráo vô cấu, cứu cánh phạm hạnh, tuyệt đối thanh tịnh’. Làm thế nào mà ở trong pháp luật này đạt đến rốt ráo biên tế, rốt ráo vô cấu, cứu cánh phạm hạnh, tuyệt đối thanh tịnh?”

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo gia chủ:

“Con mắt, thức con mắt, sắc được nhận thức bởi con mắt, nương nhau sanh hỷ. Nếu hỷ này đoạn tận, vô dục, diệt tận, tịch diệt, tĩnh chỉ, thì ngay trong Pháp luật này sẽ đạt đến rốt ráo biên tế, rốt ráo vô cấu, cứu cánh phạm hạnh, tuyệt đối thanh tịnh. Tai, mắt, lưỡi, thân, ý, ý thức; pháp được nhận thức bởi ý nhau sanh ra hỷ. Nếu hỷ này đoạn tận, vô dục, diệt tận, tịch diệt, tĩnh chỉ, thì ngay trong Pháp luật này sẽ đạt đến rốt ráo biên tế, rốt ráo vô cấu, cứu cánh phạm hạnh, tuyệt đối thanh tịnh.”

Gia chủ thôn chủ Ha-lê, sau khi nghe lời chỉ dạy của Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ ra về.

M

KINH 553. HA-LÊ (3)

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đang ở tại tinh xá của họ Thích trong thôn Ha-lê. Vị gia chủ thôn chủ Ha-lê đi đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên cúi đầu đánh lẽ dưới chân Tôn giả, rồi ngồi lui qua một bên, thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

“Như khi Thế Tôn ở trong hang đá núi Giới cách đã nói với Đế Thích rằng: Này Kiều-thi-ca, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào mà giải thoát vô thượng với sự dứt sạch ái, tâm khéo chân chánh giải thoát, đạt đến rốt ráo biên tế, rốt ráo vô cấu, cứu cánh phạm hạnh, tuyệt đối thanh tịnh. Làm thế nào mà ở trong Pháp luật này đạt đến rốt ráo biên tế, rốt ráo vô cấu, cứu cánh phạm hạnh, tuyệt đối thanh tịnh?”

papaøte pabbate, trên sườn núi gần thị trấn Kurara għara.

77. Ái tận giải thoát ^á _á [॒] _॑ [॒] _॑ P aø li: ta òhaø ^kkhayavimutti; Cf. M.37 Cuø òhaø sa òhaø ^skhaya-suttam.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo gia chủ:

“Nếu Tỳ-kheo nào, đối với sự hệ lụy đắm trước nơi cảnh giới của tâm pháp được tiếp nhận bởi giới con mắt; sự hệ lụy ấy nếu đã dứt sạch, vô dục, diệt tận, tịch diệt, tĩnh chỉ, thì ở trong Pháp luật này mà đạt đến rốt ráo biên tế, rốt ráo vô cấu, cứu cánh phạm hạnh, tuyệt đối thanh tịnh. Đối với sự hệ lụy đắm trước nơi cảnh giới của tâm pháp được tiếp nhận bởi tai, mũi, lưỡi, thân, ý giới; sự hệ lụy ấy nếu đã dứt sạch, vô dục, diệt tận, tịch diệt, tĩnh chỉ, thì ở trong Pháp luật này mà đạt đến rốt ráo biên tế, rốt ráo vô cấu, cứu cánh phạm hạnh, tuyệt đối thanh tịnh.”

Gia chủ thôn Ha-lê, nghe Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ ra về.

M

KINH 554. HA-LÊ (4)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đang ở trong thôn Ha-lê của họ Thích. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nghe gia chủ chủ thôn Ha-lê mắc bệnh khổ. Sau khi nghe, vào buổi sáng sớm, đắp y mang bát vào thôn Ha-lê khất thực, lần lượt đến nhà gia chủ thôn chủ Ha-lê. Gia chủ thôn chủ Ha-lê từ xa trông thấy Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, ông muốn rời chỗ nằm đứng dậy. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên thấy gia chủ muốn đứng dậy, liền bảo gia chủ:

“Gia chủ chờ đứng dậy! May còn có chỗ ngồi, tôi có thể tự ngồi nơi đó.”

Tôn giả lại nói với gia chủ:

“Thế nào gia chủ, tật bệnh có chịu đựng được không? Mọi thứ đau đớn của thân thể có thuyên giảm không? Không tăng thêm chăng?”

Gia chủ đáp:

“Thưa Tôn giả, bệnh con rất khó nhẫn chịu. Những sự đau đớn của thân thể càng tăng thêm, không bớt chút nào!”

Gia chủ liền nói ba thí dụ như kinh Xoa-ma Tỳ-kheo đã nói

trước.

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo gia chủ:

“Cho nên ông nên tu tập bất hoại tịnh đối với Phật, tu tập bất hoại tịnh đối với Pháp, tu tập bất hoại tịnh đối với Tăng, tu tập và thành tựu Thánh giới. Nên học như vậy.”

Gia chủ đáp:

“Bốn Bất hoại tịnh như Đức Phật dạy con đã thành tựu được tất cả. Hiện tại con đã thành tựu Phật bất hoại tịnh, Pháp bất hoại tịnh, Tăng bất hoại tịnh và đã thành tựu Thánh giới.”

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo gia chủ:

“Ông nên nương vào bốn pháp bất hoại tịnh này mà tu tập sáu pháp niệm. Nên niệm công đức Phật: Ngài là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Nên niệm công đức Pháp: Đối với Chánh pháp luật của Thế Tôn, ngay trong đời này, xa lìa các phiền não bức rức, pháp được thông đạt, phi thời gian, duyên tự mình mà giác ngộ. Nên niệm công đức Tăng: Bậc thiện xảo thú hướng, chân chánh thú hướng, trực chỉ thú hướng, bình đẳng thú hướng, tu hạnh tùy thuận, Đó là hướng Tu-dà-hoàn, đắc quả Tu-dà-hoàn; hướng Tư-dà-hàm, đắc quả Tư-dà-hàm; hướng A-na-hàm, đắc quả A-na-hàm; hướng A-la-hán, đắc quả A-la-hán. Như vậy, bốn đôi, tám bậc, đó gọi là Tăng đệ tử của Thế Tôn, đầy đủ giới, đầy đủ định, đầy đủ tuệ, đầy đủ giải thoát, đầy đủ giải thoát tri kiến, là phước diền Vô thượng của thế gian, là nơi cúng dường, cung kính, lễ bái. Nên niệm công đức Giới: Tự giữ gìn chánh giới, không hủy, không khuyết, không vỡ, không nát, là giới chẳng trộm lấy⁷⁸, giới cứu cánh, giới đáng khen ngợi, giới phạm hạnh, giới không bị ghét bỏ. Nên niệm công đức Bố thí: Tự mình nghĩ đến bố thí, tự tâm cảm thấy hân hoan, xả bỏ keo kiệt, tham lam; tuy ở tại gia nhưng tâm bố thí giải thoát, thường bố thí, vui vẻ bố thí, bố thí đầy đủ, bố thí bình đẳng. Nên niệm công đức chư Thiên: Niệm trời Tứ vương, trời Tam thập tam, trời Diệm-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại. Chư Thiên này với tín và giới thanh tịnh,

⁷⁸. Xem cht.61, kinh 550.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

khi chết ở cõi này được sanh về trong các cõi kia. Ta cũng như vậy, nhờ tín, giới, trí, văn, tuệ thanh tịnh, nên được sanh về trong các cõi trời kia.

“Này gia chủ, như vậy nên biết nương vào bốn pháp Bất hoại tịnh và thêm sáu Niệm xứ nữa.”

Gia chủ thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

“Bốn pháp Bất hoại tịnh và sáu Niệm xứ mà Đức Thế Tôn đã nói, ở đây, tất cả con đều thành tựu. Con đang tu tập niêm Phật, niêm Pháp, niêm Tăng, niêm Giới, niêm Thí, niêm Thiên.

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo gia chủ:

“Lành thay! Gia chủ có thể tự xác nhận là đắc quả A-na-hàm.”

Bấy giờ, gia chủ thưa:

“Mời Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên ở lại đây thọ trai.”

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nhận lời mời. Gia chủ thôn chủ Ha-lê, biết Tôn giả đã nhận lời, liền sửa soạn đầy đủ đồ ăn thức uống ngon, tự tay cúng dường. Thọ trai xong, sau khi rửa bát, súc miệng, Tôn giả vì gia chủ nói phép, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ, xong Tôn giả liền từ chối ngồi đứng dậy ra về.

M

KINH 555. HA-LÊ (5)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đang ở trong thôn Ha-lê của họ Thích. Lúc đó có gia chủ ở Bát thành⁷⁹ tên là Đà-thí⁸⁰ thân bị bệnh khổ. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nghe gia chủ Đà-thí mắc bệnh, sáng sớm đắp y mang bát vào Bát thành khất thực, lần lượt đến nhà gia chủ Đà-thí. Như kinh gia chủ Ha-lê đã nói như vậy.

M

79. Bát thành Pao li: A ææ haka-n aø gara.

80. Đà-thí Paøli: Dasama.

KINH 556. VÔ TƯỚNG TÂM TAM-MUỘI⁸¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong rừng An-thiền⁸² tại thành Sa-kỳ⁸³.

Bấy giờ số đông Tỳ-kheo-ni đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lẽ dưới chân Phật, rồi đứng lui qua một bên. Đức Thế Tôn liền vì các Tỳ-kheo-ni nói pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ. Khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ xong, Phật ngồi im lặng.

Các Tỳ-kheo-ni bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nếu vô tướng tâm tam-muội⁸⁴, không vọt lên, không chìm xuống⁸⁵, sau khi giải thoát rồi an trụ, sau khi an trụ rồi giải thoát; thì vô tướng tâm tam-muội này, Thế Tôn dạy nó là quả gì, công đức gì?”

Phật bảo các Tỳ-kheo-ni:

“Nếu vô tướng tâm tam-muội, không vọt lên, không chìm xuống, sau khi giải thoát rồi an trụ, sau khi an trụ rồi giải thoát, thì vô tướng tâm tam-muội này là trí quả, là trí công đức.”

Khi các Tỳ-kheo-ni nghe Phật dạy xong, đều tùy hỷ hoan hỷ, làm lẽ mà lui.

Sau đó các Tỳ-kheo-ni đi đến Tôn giả A-nan, cúi đầu đánh lẽ dưới chân Tôn giả, rồi ngồi lui qua một bên, thưa Tôn giả A-nan:

“Nếu vô tướng tâm tam-muội, không vọt lên, không chìm xuống, sau khi giải thoát rồi an trụ, sau khi an trụ rồi giải thoát, thì vô tướng tâm tam-muội này là quả gì, công đức gì?”

Tôn giả A-nan bảo các Tỳ-kheo-ni:

“Này các tỳ muội, nếu vô tướng tâm tam-muội, không vọt lên, không chìm xuống, sau khi giải thoát rồi an trụ, sau khi an trụ rồi giải

81. Án Thuận, “33. Tương ứng A-nan”, gồm các kinh, Đại Chánh 556-565. –Đại Chánh kinh 556, không thấy Paøli tướng đương.

82. An-thiền lâm /m̥ J̥aL̥ Paøli: Añjanavana, khu rừng gần thị trấn Saøketa.

83. Sa-kỳ /P̥/ Paøli: Saøketa, thị trấn phuộc Kosala.

84. Vô tướng tâm tam-muội ॥L̥ - ḷs ḷT - N̥J̥ xem kinh 566, quyển 21. Paøli: animitt aø (ceto)sam aø dhi.

85. Hán: bất dung bất một ḷL̥ < ḷL̥ - S̥ Paøli: (Yaøyam samaødhi) na caøbhinato na caøpanato, (Định ấy) không căng lên, không chùng xuống.

thoát. Thế Tôn nói là trí quả, là trí công đức.”

Các Tỳ-kheo-ni đều nói:

“Lạ thay, Tôn giả A-nan! Đại Sư và đệ tử có cùng một câu nói, cùng một vị, cùng một nghĩa, tức là Đệ nhất cú nghĩa. Hôm nay các Tỳ-kheo-ni có đến chỗ Thế Tôn, đem câu nói như vậy, vị như vậy, nghĩa như vậy hỏi Thế Tôn. Thế Tôn cũng đã vì chúng con nói câu như vậy, vị như vậy và nghĩa như vậy, giống như những gì Tôn giả A-nan nói không khác. Cho nên thật là kỳ đặc, Đại Sư và đệ tử cùng nói một câu, cùng vị và cùng nghĩa.”

Các Tỳ-kheo-ni sau khi nghe những gì Tôn giả A-nan nói, tất cả đều tùy hỷ hoan hỷ, làm lê mà lui.

M

KINH 557. XÀ-TRI-LA⁸⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cù-sú-la⁸⁷, thuộc nước Câu-diêm-di. Bấy giờ Tôn giả A-nan cũng ở tại đó.

Khi ấy Tỳ-kheo-ni Xà-tri-la⁸⁸ đến chỗ Tôn giả A-nan đánh lẽ, rồi ngồi lui qua một bên, hỏi Tôn giả A-nan:

“Nếu vô tướng tâm tam-muội, không vọt lên, không chìm xuống⁸⁹, sau khi giải thoát rồi an trụ, sau khi an trụ rồi giải thoát, thì Thưa Tôn giả A-nan, Thế Tôn dạy nó là quả gì, công đức gì?”

Tôn giả A-nan bảo Tỳ-kheo-ni Xà-tri-la:

“Nếu vô tướng tâm tam-muội, không vọt lên, không chìm xuống, sau khi giải thoát rồi an trụ, sau khi an trụ rồi giải thoát, thì Thế Tôn dạy nó là trí quả, trí công đức.”

Tỳ-kheo-ni Xà-tri-la khen ngợi:

“Lạ thay! Thưa Tôn giả A-nan, Đại Sư và đệ tử nói giống nhau cùng một câu, cùng một ý vị, cùng một nghĩa. Thưa Tôn giả A-nan, ngày trước, lúc Phật ở thành Sa-kỳ, trong rừng An-thiền, lúc đó,

86. Paøli: A. ix. 37. AØnanda.

87. Cù-sú-la viên *᳚ ॥ ᳚*. Paøli: Ghositaøraøma, tinh xá do Ghosita ở Kosambı dựng.

88. Xà-tri-la Tỳ-kheo-ni *᳚ ॥ ᳚*. Paøli: Jaøillaø.

89. Hán: bất đồng bất một *᳚ ॥ ᳚*. Xem cht. 85, kinh 556.

có nhiều Tỳ-kheo-ni đi đến chỗ Phật hỏi nghĩa này, Thế Tôn đã nói cho các Tỳ-kheo-ni nghe nói câu như vậy, ý vị như vậy, nghĩa cũng như vậy. Cho nên biết là kỳ đặc: Đại Sư và đệ tử cùng nói một câu, cùng một vị và cùng một nghĩa. Đó gọi là Đệ nhất cú nghĩa.”

Sau khi Tỳ-kheo-ni Xà-tri-la nghe những gì Tôn giả A-nan nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ mà lui.

Như Tỳ-kheo-ni Xà-tri-la đã hỏi, Tỳ-kheo-ni Ca-la-bạt cũng hỏi như vậy.

M

KINH 558. A-NAN⁹⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cù-sư-la, nước Câu-diêm-di. Bấy giờ Tôn giả A-nan cũng ở đó.

Lúc bấy giờ, có một Tỳ-kheo kia đạt được vô tướng tâm tam-muội, nghĩ rằng: “Ta hãy đến chỗ Tôn giả A-nan, hỏi Tôn giả, nếu Tỳ-kheo đạt được vô tướng tâm tam-muội, không vọt lên, không chìm xuống, sau khi giải thoát rồi an trụ, sau khi an trụ rồi giải thoát; thưa Tôn giả A-nan, Thế Tôn dạy nó là quả gì, công đức gì? Nếu Tôn giả A-nan hỏi ta: ‘Tỳ-kheo, ông đã đạt vô tướng tâm tam-muội này phải không? Đáp, tôi chưa từng có’. Hỏi thật mà đáp khác đi. Ta sẽ theo sát Tôn giả A-nan, hoặc giả có người khác hỏi nghĩa này, nhờ đó mà ta được nghe.”

Tỳ-kheo này đi theo Tôn giả A-nan suốt sáu năm, mà không có ai hỏi đến nghĩa này, nên mới tự hỏi Tôn giả A-nan:

“Nếu Tỳ-kheo hỏi vô tướng tâm tam-muội, không vọt lên, không chìm xuống, sau khi giải thoát rồi an trụ, sau khi an trụ rồi giải thoát, thì thưa Tôn giả A-nan, Thế Tôn dạy nó là quả gì, công đức gì?”

Tôn giả A-nan hỏi Tỳ-kheo này:

“Tỳ-kheo, ông đã đạt tam-muội này chưa?”

Tỳ-kheo này im lặng. Tôn giả A-nan nói với Tỳ-kheo này rằng:

“Nếu Tỳ-kheo đã đạt tâm vô tướng tâm tam-muội, không vọt

90. Paøli, A.9.37 AØnanda.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

lên, không chìm xuống, sau khi giải thoát rồi an trụ, sau khi an trụ rồi giải thoát, thì Thế Tôn nói đó là trí quả, trí công đức.”

Sau khi nghe Tôn giả A-nan nói pháp này xong, Tỳ-kheo tùy hỷ hoan hỷ, làm lẽ mà lui.

